

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 11/5/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Bền
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1994.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

*(Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị X trình bày: Chị và anh Trần Văn Q trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 24/5/2012. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung cùng với bố mẹ chồng được 5 năm, sau đó mua nhà và đất và ở riêng cả hai đều lao động tự do. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, do cuộc sống khó khăn nên tháng 12/2016 cả hai đều đi lao động tại Ma Cao- Đài Loan. Cuối năm 2019, anh Q về nước và có quan hệ với người phụ nữ khác, cuối năm 2021 chị về nước do chán nản nên chị không về chung sống với anh Q và về nhà bố mẹ đẻ chị để ở cho tới nay, trong

thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh Q không sang tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, chị thấy không thể tiếp tục chung sống được với anh Q nữa nên không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Kiều A, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 16/12/2014; hiện nay con đang ở với anh Q, ly hôn nguyện vọng của hai con đều muốn ở với anh Q nên chị đồng ý để cho anh Q được tiếp tục nuôi hai con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Trần Văn Q và nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh Q, chị X. Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2022, đại diện lãnh đạo xã H, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn T, xã H đều xác định: Sau khi vợ chồng đi lao động tại Đài Loan, năm 2019 anh Q về nước, chị X về năm 2021. Tuy nhiên khi chị X về nước không chung sống với anh Q mà về sống tại nhà bố mẹ đẻ mình vợ chồng sống ly thân nhau, mâu thuẫn giữa anh chị đó như thế nào thì địa phương cũng không nắm bắt được. Nay chị X xin ly hôn với anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Có hai con là Trần Kiều A, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 16/12/2014; hiện nay cả hai con đang ở với anh Q, đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các con và sự thỏa thuận của vợ chồng để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con

Ông Trần Văn K là bố đẻ của anh Q trình bày: Vợ chồng anh Q, chị X sau khi đi lao động tại Đài Loan, chị X về nước chỉ ở nhà với anh Q 1 ngày thì về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng đã sống ly thân, nguyên nhân dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn thì ông cũng không biết được. Nay chị X xin ly hôn với anh Q, quan điểm của ông mong muốn anh, chị đoàn tụ với nhau còn chị X cứ cương quyết xin ly hôn với anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, hiện nay cả hai con đang ở với anh Q và gia đình ông, nếu ly hôn đề nghị Tòa án nên giao cho anh Q được tiếp tục nuôi cả hai con, gia đình sẽ hỗ trợ và kinh tế cũng như nơi ăn chỗ ở để cháu phát triển tốt. Hiện anh Q thường xuyên phải đi làm xa do công việc bận anh Q không đến Tòa án làm việc được. Anh Q có quan điểm được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu chị X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Con Trần Kiều A và Trần Thị Ngọc D nguyện vọng muốn ở với anh Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22 tháng 4 năm 2022, bị đơn là anh Trần Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Q và đề nghị để cho anh Q tiếp tục nuôi hai con chung. Anh Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị X, đề nghị xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn anh Trần Văn Q; Về con chung: Giao cho anh Trần Văn Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con Trần Kiều A, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 16/12/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Q đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn là chị Phạm Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn Q vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Trần Văn Quang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 24/5/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị X, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn K có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Từ tháng 12/2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân. Anh Q cũng không có

thiện chí đoàn tụ cùng chị X, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và anh Q cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị X nhưng anh Q không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị X ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con là Trần Kiều A, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 16/12/2014; hiện nay cả hai con đang ở với anh Q. Chị X đồng ý để anh Q nuôi con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng hai con và của gia đình anh Q, tình trạng thực tế hiện nay của hai bên để đảm bảo quyền lợi cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm của mình. Như vậy, anh Q đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao cả hai con cho anh Q trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị X không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị X, anh Q đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Xim khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X; Xử cho chị Phạm Thị X ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Trần Kiều A, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 16/12/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004390 ngày 01/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tú**